

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI TIN LÀNH Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

Tóm tắt: Bài viết này phân tích quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ năm 1986 đến nay, trên cơ sở đó nêu lên một số vấn đề đặt ra liên quan như: việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; một vài bất cập trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành trên địa bàn này.

Từ khóa: chính sách của Nhà nước Việt Nam, Tin Lành, miền núi phía Bắc, Chỉ thị 01/2005 của Thủ tướng Chính phủ, các dân tộc thiểu số.

1. Lời mở đầu

Ban hành và thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc diễn ra ngay từ cuối những năm 1980 khi Tin Lành mới xuất hiện ở khu vực này. Tuy nhiên, có thể nói, phải đến khi *Chỉ thị 01/2005* của Thủ tướng Chính phủ được ban hành thì vấn đề Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc mới được làm rõ. Bài viết này không bàn đến quá trình hình thành chính sách đối với Tin Lành, mà chỉ bàn đến quan điểm chỉ đạo và thực hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

2. Thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn trước *Chỉ thị 01/2005* của Thủ tướng Chính phủ

Từ năm 1986, Tin Lành bắt đầu xâm nhập vào một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc dưới tên gọi Vàng Chứ trong người

*. NCS., Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Hmông, Thìn Hùng trong người Dao và phát triển nhanh chóng trên diện rộng. Nhiều cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương, cũng như các nhà nghiên cứu nhận định, sự phát triển của Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời kỳ này là bất bình thường. Sự phát triển bất bình thường của Tin Lành chủ yếu trong cộng đồng người Hmông. Theo số liệu thống kê của chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc, đến năm 2004, có trên 105.000 người Hmông theo Tin Lành, chiếm gần 20% tổng số người Hmông ở 779/2.384 bản có tộc người này sinh sống trên địa bàn.

Trước thực trạng nêu trên, chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc đều khá thống nhất trong nhận thức, thể hiện trong các văn bản chỉ đạo, khi cho rằng:

- Vấn đề truyền đạo và theo Tin Lành trái pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương chủ yếu do tác động của các thế lực thù địch.
- Số người truyền đạo đã biết lợi dụng tình hình khó khăn về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của đồng bào để tuyên truyền Tin Lành.
- Các dân tộc thiểu số nói chung, người Hmông nói riêng không có tôn giáo độc thần; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, nhưng cũng phải tôn trọng truyền thống không có tôn giáo, truyền thống văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số.
- Không chấp thuận việc truyền bá Tin Lành trái pháp luật và lợi dụng tôn giáo để hoạt động ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc⁽¹⁾.

Từ nhận thức như trên, chủ trương giải quyết của chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc chủ yếu là vận động đồng bào giữ gìn tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp. Một vài địa phương đã xử phạt hành chính người theo Tin Lành. Trong khi đó, một bộ phận đồng bào đã dần hình thành niềm tin vào Tin Lành nên phản ứng gay gắt với cách xử lý nêu trên của chính quyền. Thậm chí, vì mục đích giữ đạo, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo Tin Lành đã bỏ quê hương, di cư tự do đi nơi khác sinh sống, nảy sinh những vấn đề phức tạp mới.

Trong các năm 1998 - 1999, Trung ương Đảng đã có văn bản nêu chủ trương công tác đối với Tin Lành trong tình hình mới. Cấp ủy đảng và chính

quyền các tỉnh miền núi phía Bắc đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc tinh thần chỉ đạo trong các văn bản này tới đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương; đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở và chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị phù hợp tình hình thực tế địa phương.

Tại tỉnh Lào Cai, Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo tổ chức triển khai thực hiện thí điểm ở 5 xã thuộc 5 huyện có sự truyền bá Tin Lành trái pháp luật; triển khai các chương trình phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; củng cố và giữ gìn bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Ngoài việc chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình 135 của Chính phủ đối với các xã nghèo, tỉnh Lào Cai đã quyết định trong 3 năm (2000 - 2002), mỗi năm dành một khoản kinh phí từ 1 đến 1,3 tỷ đồng hỗ trợ các xã có người dân theo Tin Lành phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Tại tỉnh Cao Bằng, Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo của địa phương này đã thành lập 4 tổ công tác làm điểm việc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở 4 xã, thuộc hai huyện Nguyên Bình và Bảo Lạc, qua đó rút kinh nghiệm để triển khai diện rộng; đồng thời đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, trợ cấp khó khăn, xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống ở những địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Chính quyền tỉnh Lai Châu tổ chức quán triệt đến các ngành, các huyện, thị và toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trên địa bàn nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Tin Lành trong tình hình mới. Ngày 24/9/2001, Tỉnh ủy Lai Châu ban hành *Chỉ thị số 09 về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành của Đảng*. Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo tỉnh Lai Châu phối hợp với các ban, ngành chức năng tiến hành biên soạn tài liệu lồng ghép với các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh để tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, cảnh giác trước âm mưu lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng của kẻ xấu.

Đối với công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc đã triển khai một số công việc cụ thể sau đây:

- Tổ chức quán triệt, học tập *Nghị định 26 ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo*; các thông tư hướng dẫn của Chính phủ và quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương công tác đối với Tin Lành cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành và nhân dân.

- Tiến hành khảo sát, nắm chắc số lượng cơ sở thờ tự, chức sắc, chức việc, tín đồ Tin Lành để đưa vào quản lý theo quy định của pháp luật. Một số địa phương đã làm tốt công tác phân loại người theo đạo để giải quyết theo hướng: *Một là*, đối với người bị đe dọa, cưỡng ép theo Tin Lành thì tuyên truyền, vận động, giải thích để họ quay lại sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống; giúp đỡ đồng bào phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. *Hai là*, đối với người đã có niềm tin nhất định đối với Tin Lành, trước mắt quản lý, hướng dẫn họ sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, ổn định đời sống dân cư. *Ba là*, đối với người tuyên truyền đạo trái pháp luật, kích động người khác chống lại người thi hành công vụ, xúi giục quần chúng không tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thì xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc còn nhiều lúng túng trong thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước nên chưa đem lại kết quả tích cực, chưa tạo được sự đồng thuận trong bộ phận người dân theo Tin Lành, gây dư luận không tốt ở trong nước và quốc tế⁽²⁾.

3. Thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ khi có *Chỉ thị 01/2005* của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chính sách đối với Tin Lành được nêu trong *Chỉ thị 01/2005* của Thủ tướng Chính phủ, đa số chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện, tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây: *Một là*, tổ chức quán triệt chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành trong các cấp chính quyền, các ban ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và toàn thể cán bộ, đảng viên ở địa phương. *Hai là*, tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, loại bỏ hủ tục; phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt. *Ba là*, tiến hành khảo sát để phân loại, đánh giá

đúng thực trạng việc truyền bá và tin theo Tin Lành ở địa phương. *Bốn là*, tổ chức đăng ký sinh hoạt Tin Lành theo điểm nhóm với chính quyền cơ sở ở những nơi đảm bảo những tiêu chí cơ bản như: đồng bào có thời gian dài theo đạo và sinh hoạt tôn giáo ổn định, chính quyền sở tại có đủ khả năng quản lý, người đứng đầu tổ chức tôn giáo không có biểu hiện chống đối về chính trị.

Như vậy, việc thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ khi có *Chỉ thị số 01/2005* của Thủ tướng Chính phủ không chỉ giải quyết vấn đề tôn giáo đơn thuần, mà còn thực hiện đồng bộ chính sách về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn, cụ thể:

3.1. Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số

Hệ thống chính sách trong lĩnh vực này được Nhà nước ban hành tương đối đầy đủ, toàn diện. Nhiều chính sách tác động tích cực đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số như chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn; chương trình xây dựng trung tâm cụm xã; chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ dân tộc thiểu số khó khăn; chương trình trồng mới 5 triệu hecta rừng, chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ đồng bào định canh, định cư; chương trình phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc; chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; giải quyết tình trạng dân di cư tự do; chương trình cấp nước các huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang; chính sách cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường dự bị đại học; chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú; đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, v.v...

Chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc cũng ban hành nhiều văn bản chính sách cụ thể nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Tỉnh Sơn La ban hành *Nghị quyết về ổn định sản xuất và đời sống nhân dân các xã đặc biệt khó khăn; Nghị*

quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp nông thôn. Tỉnh Yên Bái xây dựng đề án *Một số nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải giai đoạn 2006 - 2010.* Tỉnh Điện Biên tiếp tục thực hiện *Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng cao;* xây dựng đề án *Sắp xếp, ổn định dân cư tự do huyện Mường Nhé.* Tỉnh Hà Giang có dự án di chuyển đồng bào từ các vùng đặc biệt khó khăn ở các huyện vùng cao núi đá xuống các huyện vùng thấp; đề án sắp xếp dân cư vùng biên giới; chương trình hỗ trợ cho mỗi hộ nghèo “một bể nước, một con bò, một mái nhà, điện thắp sáng”; chương trình xây dựng hồ chứa nước, v.v...

Tính đến thời điểm tháng 6/2013, kết quả đạt được trong thực hiện các chính sách nêu trên cụ thể như sau:

- *Về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:* trên 90% số xã trong vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông đến trung tâm; 90% số xã có điện lưới quốc gia, hơn 70% số hộ được dùng điện, 80% số xã có hạng mục công trình thủy lợi nhỏ; 100% số xã có trạm y tế; 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa; 99% số thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 83,6% số phòng học, lớp học được kiên cố hóa; tỷ lệ hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 68%⁽³⁾.

- *Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực:* huy động mọi nguồn lực đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa trường lớp và nhà công vụ cho giáo viên; ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu giáo dục trong vùng, nhất là mục tiêu phổ cập trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên dân tộc thiểu số, trong đó có giáo viên là người Hmông.

Mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo đã được phát triển rộng khắp. Các loại hình trường học như mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng được xây dựng ngày một hoàn chỉnh. Cơ sở vật chất và năng lực đào tạo của các trung tâm dạy nghề, một số trường đại học, cao đẳng trong vùng từng bước được nâng cao.

Từ năm 2007 đến năm 2011, các trường đại học, cao đẳng Trung ương và địa phương đã xét tuyển được 12.800 học sinh, trong đó có gần 800 học sinh người Hmông ở các xã đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, hằng năm, các trường

đại học khu vực Miền Bắc dành khoảng 800 - 1.000 chỉ tiêu đào tạo đại học theo địa chỉ cho các tỉnh khu vực trung du và miền núi phía Bắc, căn bản đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của các địa phương⁽⁴⁾.

- *Về lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao:* ngày hội văn hóa - thể thao và du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc, Tây Bắc đã được tổ chức định kỳ, tạo điều kiện để các địa phương có đồng đồng bào dân tộc thiểu số đưa các nghệ nhân, diễn viên quần chúng tham dự. Các địa phương có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đã nhân rộng mô hình và tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... để đồng bào được giao lưu, học hỏi, thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phổ biến và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc thiểu số được quan tâm. Tỉnh Hà Giang khôi phục Lễ hội Gầu Tào, một trong những lễ hội truyền thống của người Hmông. Tỉnh Lào Cai bảo tồn các lễ hội đặc sắc như Sải Sán, Nào Sòng, phục dựng nghề thủ công rèn đúc và chạm khắc bạc, nghề trồng lanh, nghề thêu, nghề dệt vải. Tỉnh Sơn La phục dựng các lễ hội Tu Su, Giữ máu, Nào Sòng, đám cưới truyền thống người Hmông, v.v...⁽⁵⁾

- *Về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:* 67,8% số xã khu vực miền núi phía Bắc có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; 52,8% số xã có bác sĩ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 24%; 95% số thôn, bản có nhân viên y tế, trong đó hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế đạt 100%⁽⁶⁾.

- *Về công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm:* Chương trình giảm nghèo theo *Nghị quyết 30a* của Chính phủ được các địa phương triển khai tích cực, được nhân dân phấn khởi đón nhận và hăng hái tham gia. Việc trợ giúp của chính sách được thực hiện trên 3 phương diện: *Một là*, khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng, nhất là về y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở, nước sinh hoạt. *Hai là*, hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách về bảo đảm đất sản xuất, tín dụng ưu đãi, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, phát triển ngành nghề. *Ba là*, phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu cho các địa bàn đặc biệt khó khăn. Từ nguồn ngân sách hỗ trợ của Nhà nước, thông qua các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc chuyển đổi tập quán canh tác,

phương thức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Qua đó, năng lực sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được nâng lên, số hộ giàu ngày càng tăng, hộ nghèo có cơ hội vươn lên để thoát nghèo⁽⁷⁾.

- *Việc giải quyết tình trạng di cư tự do:* Những năm gần đây, việc đồng bào Hmông di cư đến khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc chủ yếu diễn ra tại địa bàn huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Do đó, tỉnh Điện Biên triển khai đề án sắp xếp, ổn định dân cư huyện Mường Nhé giai đoạn 2010 - 2015; bước đầu đã di chuyển, sắp xếp ổn định cho 1.427 hộ, 6.959 nhân khẩu, trong đó 469 hộ, 2.789 khẩu là người Hmông⁽⁸⁾.

3.2. Về công tác quản lý nhà nước đối với Tin Lành

Năm 2006, các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Kạn và Thái Nguyên thí điểm việc đăng ký sinh hoạt điểm nhóm Tin Lành. Tổng số 18 điểm nhóm Tin Lành với 2.695 người ở 15 xã, phường, thị trấn thuộc 9 huyện của các tỉnh nêu trên được đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo đúng chính sách của Nhà nước.

Theo báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ, hiện nay trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc có trên 10 hệ phái Tin Lành đang hoạt động, trong đó có 5 hệ phái được công nhận về tổ chức và 1 hệ phái được cấp đăng ký hoạt động (theo quy định của pháp luật), gồm Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc), Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội Thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam, Hội Thánh Báp têm Việt Nam (Ân Điển - Nam Phương) và Hội Thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam; tổng số có khoảng 167.000 tín đồ Tin Lành, chủ yếu là người Hmông, sinh hoạt ở 1.239 điểm nhóm, cụ thể: Cao Bằng 16.848 người/153 điểm nhóm; Bắc Kạn 11.742 người/78 điểm nhóm; Lạng Sơn 1.978 người/13 Hội nhánh và 2 điểm nhóm; Thái Nguyên 3.788 người/30 điểm nhóm; Hà Giang 24.925 người/186 điểm nhóm; Tuyên Quang 7.020 người/68 điểm nhóm; Lào Cai 21.476 người/160 điểm nhóm; Yên Bái 725 người/10 điểm nhóm; Lai Châu 34.994 người/198 điểm nhóm; Điện Biên 35.942 người/271 điểm nhóm; Sơn La 5.576 người/44 điểm nhóm. Hiện tại, Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã và đang hình thành mô hình điểm nhóm có ban chấp sự, ban hiệp nguyện, v.v...

Từ năm 2007, việc thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc có những chuyển biến tích cực. Đến nay, các tỉnh miền núi phía Bắc đã có 366/1.239 điểm nhóm đăng ký sinh hoạt Tin Lành với chính quyền cơ sở, trong đó có 337/865 điểm nhóm thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc), 28/197 điểm nhóm thuộc Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, 2 điểm nhóm thuộc Hội Thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam. Cụ thể, tỉnh Cao Bằng: 105/153 điểm nhóm, 9.063 người; Bắc Kạn: 52/78 điểm nhóm, 9.776 người; Tuyên Quang: 47/68 điểm nhóm, 5.490 người; Lào Cai: 51/160 điểm nhóm, 9.194 người; Hà Giang: 34/186 điểm nhóm, 5.685 người; Thái Nguyên: 20/30 điểm nhóm, 3.963 người; Lai Châu: 28/198 điểm nhóm, 7.988 người; Điện Biên: 8/271 điểm nhóm, 1.639 người; Yên Bái: 4/10 điểm nhóm, 527 người; Lạng Sơn: 1/2 điểm nhóm, 317 người⁽⁹⁾.

Đến nay, 130 người ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã tốt nghiệp lớp thần học thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) được công nhận chức truyền đạo; Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam mở lớp bồi dưỡng thần học cho các trưởng điểm nhóm tại Lào Cai. Ban Tôn giáo Chính phủ đã phối hợp với Hội Việt - Mỹ (thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) và Viện Liên kết Toàn cầu (Hoa Kỳ) mở lớp tập huấn kiến thức tôn giáo và chính sách, pháp luật về tôn giáo của Nhà nước cho trưởng, phó các điểm nhóm Tin Lành đã được công nhận ở các tỉnh trong khu vực.

Kết quả thực hiện nêu trên đã khẳng định chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo nói chung, Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, là đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng tôn giáo chính đáng của một bộ phận quần chúng nhân dân và yêu cầu quản lý nhà nước đối với Tin Lành.

4. Một số vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay

4.1. Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số

Như đã trình bày, việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đã có những chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, nhất là tốc độ phát triển kinh tế tăng nhanh hơn trước, tỷ

lệ hộ nghèo bình quân giảm gần 4%/năm.⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên, hiện nay vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực này vẫn còn nhiều khó khăn: giao thông, thông tin, giáo dục, y tế còn yếu kém; tài nguyên bị cạn kiệt; tình trạng thiếu đất canh tác, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt còn xảy ra ở nhiều nơi; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, mức sống của đồng bào thấp so với các vùng khác, bình quân thu nhập đạt khoảng 30% bình quân chung cả nước⁽¹¹⁾. Đến cuối năm 2011, tại 32 huyện miền núi phía Bắc (thuộc 62 huyện nghèo nhất cả nước được hưởng theo *Nghị quyết 30a* của Chính phủ) tỷ lệ hộ nghèo khoảng 50%; thậm chí tỷ lệ hộ nghèo ở nhiều thôn bản còn ở mức từ 81% đến 95,6%⁽¹²⁾.

Bên cạnh đó, tình trạng du canh, du cư, di cư tự do của một bộ phận người Hmông vẫn còn diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của các địa phương, từ năm 1986 đến cuối năm 2011, cả nước có 11.695 hộ, 66.715 khẩu người Mông di cư tự do; trong đó, giai đoạn từ 2007 đến cuối năm 2011 có 5.435 hộ, 29.767 người. Địa bàn di cư đến của người Hmông chủ yếu là các tỉnh Đắc Lắc, Đắc Nông và huyện Mường Nhé của tỉnh Điện Biên, một bộ phận sang Lào và Trung Quốc. Tình hình trên gây nhiều khó khăn cho việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng tình trạng sang nhượng đất đai trái pháp luật và các tệ nạn xã hội; gây sức ép và khó khăn trong việc quản lý hành chính, giải quyết nhu cầu về y tế, giáo dục và các lĩnh vực an sinh xã hội khác của các địa phương có dân di cư đến.

4.2. Đối với bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo Tin Lành

Hiện tại, đa số đồng bào dân tộc thiểu số theo Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc là người Hmông. Họ hiểu biết rất ít về giáo lý, giáo luật và nội quy, điều lệ của Hội Thánh (kể cả số chức việc trong điểm nhóm). Tổ chức của các điểm nhóm Tin Lành chưa chặt chẽ, chưa thống nhất. Sinh hoạt tại các điểm nhóm Tin Lành chủ yếu do các trưởng điểm nhóm điều hành, tổ chức cho tín đồ hát thánh ca, cầu nguyện và dâng hiến,... Việc tổ chức lễ Báp têm chỉ là tự phát vì thiếu mục sư hướng dẫn. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, hiện có trên 60% số trưởng điểm nhóm Tin Lành trong khu vực không biết chữ; số còn lại trình độ văn hóa cũng rất thấp, rất ít người có trình độ trung học cơ sở.

Cơ sở vật chất và điều kiện để đồng bào sinh hoạt Tin Lành ở một số điểm nhóm còn thiếu thốn. Sinh hoạt của các điểm nhóm Tin Lành hiện nay

chưa đi vào nền nếp. Ở một số địa phương, mặc dù chưa có sự hướng dẫn của chính quyền, nhưng sau thời gian sinh hoạt, các điểm nhóm đã tự bầu lại các trưởng điểm nhóm, làm nảy sinh mâu thuẫn trong điểm nhóm, dẫn đến việc một số người tự tách ra thành lập điểm nhóm mới, ví dụ như điểm nhóm Năm Xứ, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc; điểm nhóm Nà Pồng, xã Mông Ân, huyện Bảo Lâm (tỉnh Cao Bằng). Tín đồ tại các điểm nhóm chưa được cấp đăng ký sinh hoạt để chuyển đổi sang hệ phái Tin Lành khác. Ở một số điểm nhóm, tín đồ không phân biệt được đang theo hệ phái Tin Lành nào. Một số điểm nhóm tự vận động tín đồ đóng góp tiền của để coi nói, xây dựng nhà nguyện trái pháp luật. Đặc biệt, một bộ phận đồng bào theo Tin Lành đã xuất hiện tư tưởng hoang mang, dao động trước sự tuyên truyền, vận động, lôi kéo, kích động của các thế lực thù địch dẫn đến vi phạm chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

4.3. Một số bất cập trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước đối với Tin Lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc

- Tiến độ cấp đăng ký sinh hoạt Tin Lành theo điểm nhóm còn chậm và có sự chênh lệch giữa các tỉnh trong khu vực. Nguyên nhân chính là có điểm nhóm không muốn đăng ký với chính quyền, ngược lại một số điểm nhóm có đăng ký song do thiếu các điều kiện cần thiết nên chính quyền cơ sở chưa giải quyết. Trên thực tế, sinh hoạt tôn giáo tại các điểm nhóm Tin Lành chưa được đăng ký vẫn diễn ra và chính quyền chưa quản lý được.

- Điểm nhóm và quản lý điểm nhóm sau cấp đăng ký là vấn đề được nhiều địa phương đề cập. Bởi vì, sau đăng ký điểm nhóm Tin Lành đặt ra hàng loạt nhu cầu cần được chính quyền các cấp quan tâm giải quyết, như:

Cơ sở thờ tự, nơi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Tin Lành còn nhiều khó khăn, địa điểm sinh hoạt hiện tại đa phần là nhà mượn tạm, chật chội.

Phần lớn chức sắc Tin Lành mới được công nhận đều do Hội Thánh tự phong và rất khác nhau về tiêu chuẩn. Một số tổ chức Tin Lành quy định tiêu chuẩn chức sắc phải có trình độ văn hóa 12/12, thỏa mãn điều kiện về tuổi đời, tuổi đạo. Nhưng một số tổ chức Tin Lành lại khá dễ dãi trong việc công nhận chức sắc, chỉ với tiêu chuẩn “được ơn Chúa gọi”. Điều này đã gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc chấp thuận cho các Hội Thánh đào tạo chức sắc.

Một số Hội Thánh đã hình thành Ban Chấp sự, Ban Trị sự (lâm thời), đòi hỏi nhu cầu thành lập chi hội/hội thánh cơ sở thay thế điểm nhóm. Bởi vì, điểm nhóm chỉ là cách gọi của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, không phải là một cấp hành chính đạo./.

CHÚ THÍCH

1. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 24/4/2000*.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Báo cáo sơ kết 1 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/2005-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành*.
3. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45 về một số công tác vùng dân tộc Mông*.
4. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
5. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
6. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
7. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
8. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
9. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo ngày 03/6/2013 tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 45..., tài liệu đã dẫn*.
10. Ban Chỉ đạo Tây Bắc, *Báo cáo tổng kết thực hiện NQ 37 NQ/TW*.
11. Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, *Báo cáo số 200/HĐDT, ngày 15/6/2012*.
12. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Báo cáo ban hành kèm theo QĐ số 375/QĐ-LĐTBXH ngày 28/3/20102*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo tổng kết thực hiện chỉ thị 45 về một số công tác ở vùng dân tộc Mông, số 36, ngày 03/6/2013*.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2009), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* (tái bản lần 1 có bổ sung), Công ty TNHH Hồng Tâm, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Khắc Đức (2011), *Vấn đề đạo Tin Lành trong đồng bào dân tộc Hmông và Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học, chuyên ngành Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng (2008), *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Đỗ Quang Hưng (2008), “Mấy suy nghĩ về việc tiếp tục đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo”, *Mặt trận*, số 6.
7. Nguyễn Đức Lữ (2009), *Tôn giáo: quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Hành chính, Hà Nội.
8. Vương Duy Quang (1994), “Vấn đề người Hmông theo Kitô giáo hiện nay”, *Dân tộc học*, số 4.
9. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Mông ở Việt Nam: truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
10. Thảo Xuân Sùng (chủ biên (2009), *Dân tộc Mông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Ngô Hữu Thảo (2004), *Tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Mông và sự xâm nhập của đạo Tin Lành hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chỉ thị về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/2/2005.

IMPLEMENTING THE POLICIES OF VIETNAMESE STATE REGARDING PROTESTANTISM IN THE NORTHERN MOUNTAIN PROVINCES TODAY

This article analyzes the process of carrying out the policies of Vietnamese State regarding Protestantism in the Northern mountain provinces from 1986 to now. Basing on this analysis, the writer states some such relevant matters as developing economic-society and raising the life of ethnic people, some inadequate problems in carrying out policies of State regarding Protestantism in this region.

Key words: policies of Vietnamese State, Protestantism, the Northern mountain region, Instruction N°. 01/2005 of Primer Minister, Ethnic minorities.